ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1015 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 22 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 57/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân; số 123/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1270/TTr-SGTVT ngày 21/3/2022 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1249/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2022; của Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân tại Tờ trình số 104/TTr-BQLDA ngày 22/02/2022 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của huyện theo quy hoạch; nâng cao năng lực vận tải, lưu thông hàng hóa và giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng mới 11,989km đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng theo TCVN 4054:2005, có: Vận tốc thiết kế V_{tk}=60km/h. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa. Công trình thoát nước bằng BTCT và BTCT DƯL; tần suất thiết kế P=4% với nền đường, cống, cầu nhỏ và P=1% với cầu trung; tải trọng trục tính toán 10T với đường và tải trọng H30-XB80 với cống, HL93 với cầu; công trình cầu có khổ cầu phù hợp với chiều rộng đường.

6. Giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Bình đồ, hướng tuyến: Hướng tuyến phù hợp với quy hoạch vùng huyện Thọ Xuân đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2070; quy hoạch chung xây dựng và mở rộng thị trấn Thọ Xuân đến năm 2025; quy hoạch chung đô thị Lam Sơn - Sao Vàng và quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 01: Khu dân cư đô thị, thuộc đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân.

Tuyến đi mới, bám theo địa hình, qua khu vực đồng ruộng, đồi thấp xen kẹp, cục bộ một số cụm dân cư, vượt qua kênh Tiêu thuỷ và kênh chính Bái Thượng.

- Điểm đầu Km0+00: Giao với đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng tại Km0+488, thuộc địa phận thị trấn Thọ Xuân.

- Điểm cuối Km11+989: Giao với đường nối QL.47 với QL.47C khoảng Km2+452, thuộc địa phận thị trấn Lam Sơn.

Tổng số có 11 đường cong, bán kính nhỏ nhất R_{min}=150m.

6.2. Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở điểm đầu, điểm cuối, tần suất thủy văn tính toán của cầu, cao độ quy hoạch liên quan. Độ dốc dọc lớn nhất i_{max}=3%.

6.3. Cắt ngang: Độ dốc ngang mặt đường hai mái i_m=2%; dốc ngang lề đất i_l=4%. Chiều rộng nền đường B_n=9,0m; chiều rộng mặt đường B_m=7,0m, gia cổ mở rộng mặt đường B_{gc}=2x0,5m=1,0m; chiều rộng lề đất B_l=2x0,5m=1,0m.

6.4. Nền đường:

- Nền đào: Đào đất mái taluy 1/1, lớp sát đáy áo đường dày 30cm được xáo xới đầm lèn lại đạt độ chặt K≥0,98.

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đạt độ chặt K≥0,95, lớp sát đáy áo đường dày 50cm đạt K≥0,98; mái taluy đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ, những vị trí ngập nước thường xuyên gia cố một phần mái taluy bằng BTXM. Trước khi đắp nền đào bỏ lớp đất hữu cơ, không thích hợp; cục bộ vị trí có đất nền chịu lực yếu được đào thay đất nền.

6.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường bê tông nhựa (BTN) có cường độ yêu cầu E_{yc}≥133Mpa, gồm các lớp:

- Lớp mặt đường: Bằng BTN chặt C19 dày 6cm, tưới thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m^2.

- Lớp móng đường: Bằng cấp phối đá dăm có tổng chiều dày 45cm, gồm lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 15cm và lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

6.6. Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc hình thang kích thước thông thủy (40+120)x40cm. Đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh dọc thu nước qua tấm nắp, hố thu và thoát về cống ngang; cấu tạo rãnh bằng bê tông và BTCT, mặt đường được gia cố đến mép rãnh.

6.7. Cống thoát nước ngang: Xây dựng mới 82 cống cống hộp và cống bản các loại. Cấu tạo công trình bằng bê tông, BTCT; chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường; móng cống đặt trên nền thiên nhiên.

6.8. Công trình cầu: Xây dựng mới 02 cầu trên tuyến, các cầu nằm trên đường thẳng, sông không thông thuyền, không có cây trôi. Kết cấu bằng BTCT, BTCT DƯL, chiều rộng B_c=10m, cụ thể:

a) Cầu Km0+518 - qua kênh Tiêu thuỷ, giáp ranh giữa thị trấn Thọ Xuân và xã Xuân Trường:

- Kết cấu phần trên: Gồm 02 nhịp dầm bản rỗng giản đơn bằng BTCT DƯL 40Mpa, chiều dài dầm L=18m; bản mặt cầu BTCT, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19; gối cầu bằng cao su cốt bản thép; khe co giãn bằng thép dạng răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc; gờ lan can bằng BTCT; lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Hai mố cấu tạo giống nhau dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,2m. Trụ cầu dạng trụ dẻo, cột bằng hệ cọc khoan nhồi D1,2m.

b) Cầu Km5+006 - qua kênh chính Bái Thượng, thuộc địa phận xã Xuân Hưng:

- Kết cấu phần trên: Gồm 02 nhịp dầm bản rỗng giản đơn bằng BTCT DƯL 40Mpa, chiều dài dầm L=21m; các kết cấu còn lại cơ bản như cầu Km0+518.

- Kết cấu phần dưới: Hai mố cấu tạo giống nhau dạng mố dẻo, cột bằng BTCT, là hệ cọc khoan nhồi D1,2m. Trụ cầu dạng trụ dẻo, cột bằng hệ cọc khoan nhồi D1,2m.

c) Đường đầu cầu: Sau đuôi mố 10m đường hai bên đầu cầu được vuốt nối từ B_n=11m, B_m=9m về B_n=9,0m, B_m=8,0m hoặc được vuốt nối đường bờ kênh và chuyển tiếp về mặt cắt ngang thông thường. Kết cấu áo đường như phần tuyến; gia cố tứ nón, mái taluy và mái kênh bằng BTXM, chân khay bằng BTXM và tường chắn bằng BTCT.

6.9. Nút giao: Thiết kế giao bằng; tổ chức giao thông trong nút giao bằng biển báo, vạch sơn, đèn cảnh báo. Kết cấu mặt đường trong nút giao như phần tuyến.

- Ngã ba Km0+00: Giao với đường từ thị trấn Thọ Xuân đi đô thị Lam Sơn - Sao Vàng tại Km0+488, vuốt các nhánh rẽ bán kính R≥25m. Bố trí kết nối đồng bộ nút giao với nhánh rẽ đi khu dân cư tái định cư, chiều dài 189m đảm bảo B_n=15,0m, B_{vh}=4,0m, lề đất 0,5m.

- Ngã ba cuối tuyến Km11+989: Giao với đường nối QL.47 với QL.47C khoảng Km2+252, được thực hiện bởi dự án đường nối QL.47 với QL.47C.

6.10. Đường ngang: Vuốt nối với bán kính R≥3,0m, độ dốc dọc i≤6%; kết cấu mặt đường bằng BTN hoặc BTXM tùy theo vị trí và kết cấu mặt đường hiện trạng.

6.11. An toàn giao thông: Bố trí tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT, bao gồm: cột km, cọc H, cọc tiêu, biển báo, vạch sơn phản quang, đèn cảnh báo, hộ lan tôn sóng.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Các xã: Xuân Giang, Xuân Trường, Xuân Hưng, Thọ Diên, Thọ Lâm và các thị trấn: Thọ Xuân, Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 18,9ha.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 1249/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2022 của Sở Giao thông vận tải.

10. Tổng mức đầu tư: 256.400.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu tỷ, bốn trăm triệu đồng*); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	34.983.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	169.768.911.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.636.048.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.945.002.000 đồng;
- Chi phí khác:	18.838.621.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	21.228.418.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

11. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh 150 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Thọ Xuân, nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác 106,4 tỷ đồng; chi phí bồi thường giải phòng mặt bằng do ngân sách huyện đảm nhận.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

13. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Thọ Xuân làm Chủ đầu tư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo thẩm định số 1249/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/3/2022.

- UBND huyện Thọ Xuân tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c) ;
- PCT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, CN (DA17-1QDPĐA).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án: Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân
đi Trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị
I	**Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC**	**34.983.000.000**
II	**Chi phí xây dựng**	**169.768.911.000**
III	**Chi phí Quản lý dự án**	**2.636.048.000**
IV	**Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng**	**8.945.002.000**
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	1.736.911.000
2	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	1.100.000.000
3	Chi phí thiết kế, cắm cọc GPMB và MLG	900.000.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	1.716.634.000
5	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát	68.521.000
5.1	*Bước lập báo cáo NCKT*	*35.521.000*
5.2	*Bước thiết kế BVTC*	*33.000.000*
6	Chi phí giám sát khảo sát	93.006.000
6.1	*Bước lập báo cáo NCKT*	*48.214.000*
6.2	*Bước thiết kế BVTC*	*44.792.000*
7	Chi phí thẩm tra	259.747.000
7.1	*Thẩm tra thiết kế BVTC*	*132.420.000*
7.2	*Thẩm tra dự toán*	*127.327.000*
8	Chi phí giám sát thi công	2.546.980.000
8.1	*Giám sát thi công*	*2.502.394.000*
8.2	*Giám sát thi công RPBM, vật nổ*	*44.586.000*
9	Lập Kế hoạch bảo vệ môi trường	200.000.000
10	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu	172.685.000
10.1	*Gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo NCKT*	*9.662.000*
10.2	*Gói thầu thầu khảo sát, thiết kế BVTC*	*17.856.000*
10.3	*Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)*	*122.588.000*
10.4	*Gói thầu tư vấn giám sát*	*16.691.000*
10.5	*Gói thầu kiểm toán độc lập*	*5.888.000*
11	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	109.035.000
11.1	*Gói thầu khảo sát, lập BCNCKT*	*2.200.000*

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị
11.2	*Gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC*	*2.560.000*
11.3	*Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)*	*100.000.000*
11.4	*Gói thầu tư vấn giám sát*	*2.275.000*
11.5	*Gói thầu kiểm toán độc lập*	*2.000.000*
12	Khảo sát lập phương án RPBM, vật nổ	41.760.000
V	**CHI PHÍ KHÁC**	**18.838.621.000**
1	Chi phí kiểm toán	720.739.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	216.592.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	492.330.000
4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	12.820.000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	22.379.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	21.761.000
7	Rà phá bom mìn vật nổ	1.392.000.000
8	Các chi phí khác:	15.960.000.000
8.1	*Chi phí đường dây, TBA phục vụ thi công*	*244.000.000*
8.2	*Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật*	*15.612.000.000*
8.3	*Chi phí đảm bảo an toàn giao thông*	*104.000.000*
VI	**DỰ PHÒNG**	**21.228.418.000**
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	14.361.408.000
2	Dự phòng trượt giá	6.867.010.000
	Tổng cộng (làm tròn)	**256.400.000.000**